

Bản án số: 21/2019/DSPT

Ngày 19/02/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Ông Nguyễn Văn Trường

-Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Sương -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa
:Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLPT - DS, ngày
10/01/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 19 tháng 09 năm 2018
của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2019/QĐPT-DS
ngày 23 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: tổ Y, ấp A, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm
Hoài Duy T, luật sư Văn phòng luật sư Hồng A, thuộc đoàn luật sư tỉnh
Vĩnh Long.

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Á, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: tổ K, ấp T, xã T, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn L sinh năm: 1952 (có mặt).

Địa chỉ: tổ K, ấp T, xã T, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1962 (vắng).

Địa chỉ: số nhà p/p, đường M, khóm b, phường b, thành phố Vĩnh Long.

Người làm chứng:

1. Chị Lê Thanh Th, sinh năm: 1978 (vắng).

Địa chỉ: Tổ M, ấp A, xã T, thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Phạm Thị Ng, sinh năm: 1963(vắng).

Địa chỉ: Tổ B, ấp Th, xã T thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Đoàn Thị Xuân H (vắng).

Địa chỉ: Tổ h, ấp T, xã Th, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà Nguyễn Thị C (vắng).

Địa chỉ: Tổ M, ấp T, xã Th, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

5. Bà Lý Thị Th (vắng).

Địa chỉ: Số M, tổ M, khóm N, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

6. Bà Phạm Thanh G, sinh năm 1960 (vắng).

Địa chỉ: Tổ M, ấp T, xã Th, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Ngọc Á là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày như sau:* Ngày 30/8/2013 bà Nh có cho bà Nguyễn Ngọc Á vay số tiền 52.500.000 đồng, bà Á trực tiếp nhận tiền, có viết biên nhận ngày 30/8/2013 tại nhà bà A và cam kết trong vòng 15 tháng trả đủ tiền, nếu không trả sẽ giao căn nhà của vợ chồng bà Á để trừ nợ, bà Nh sẽ hoàn lại số tiền chênh lệch. Khi nhận tiền, bà Á có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nh, sau đó bà Á mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng. Số tiền 52.500.000 đồng là tiền bà Nh mượn của bà Trần Thị Ng 01 cây vàng 24K, 200USD và 2.500.000 đồng và tiền riêng của bà Nh. Nay bà Nh yêu cầu bà Á, ông L phải trả cho bà số tiền là 52.500.000 đồng và tiền lãi 18.900.000 đồng.

- *Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Ngọc Á trình bày:* Bà Á thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 30/8/2013 nhưng không nhận tiền, do bà Nh kêu ký biên nhận trước, khi nào bà Trần Thị Ng gửi tiền thì bà Nh sẽ giao cho bà Á. Bà Á trực tiếp điện thoại cho bà Trần Thị Ng thì bà Ng kêu bà ký tên biên nhận sau 03 ngày sẽ gửi tiền về nên bà Á ký tên vào biên nhận ngày 30/8/2013dl, Tuy nhiên, sau 05 ngày chưa nhận được tiền nên bà Á gặp bà Nh kêu bà Nh xé biên nhận. Biên nhận do bà Nh viết sẵn đưa cho bà Á và ông L ký tên, điểm chỉ, biên nhận lúc bà Á ký tên thì chỉ có vài dòng chữ không nhiều như biên nhận bà Nh cung cấp cho Tòa án. Bà Á còn nợ tiền hụi bà Nh nên chỉ đồng ý trả tiền nợ hụi, không đồng ý trả số tiền 52.500.000 đồng theo yêu cầu bà Nh

- Ông Huỳnh Văn L trình bày: Ông L có ký tên và điểm chỉ vào biên nhận ngày 30/8/2013dl nhưng không có nhận tiền, do ông nghe bà Ng nói chuyện điện thoại là sẽ gửi tiền về cho mượn nên mới ký tên và điểm chỉ vào biên nhận. Nay ông không đồng ý cùng bà Á trả số tiền 52.500.000 đồng cho bà Nh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2018/DS-ST ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

1. Căn cứ các Điều 161, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463, Điều 465 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

2. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh về việc yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Á và ông Huỳnh Văn L phải liên đới trả cho bà số tiền vốn 52.500.000 đồng (năm mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất 1.2%/tháng trên số tiền 52.500.000 đồng của bà Nh, kể từ ngày 30/12/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2018 nguyên đơn bà Nh kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh về việc yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Á và ông Huỳnh Văn L phải liên đới trả số tiền vốn 52.500.000 đồng (năm mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Chấp nhận yêu cầu tính lãi suất 1.2%/tháng trên số tiền 52.500.000 đồng của bà Nho kể từ ngày 30/12/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo là bà Nh thay đổi kháng cáo, chỉ yêu cầu bà Á và ông Lợi trả số tiền nợ vay 25.000.000đ, tự nguyện nộp chi phí giám định, xác định bà Á và ông L đã trả xong tiền nợ hui, chỉ còn nợ số tiền nợ vay yêu cầu trả 25.000.000đ.

- Bà Á và ông L đồng ý trả cho bà Nh nợ số tiền 25.000.000đ.

Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau :

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Sửa một phần bản án sơ thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, bà Á và ông L có nghĩa vụ trả cho bà Nh 25.000.000đ. Bà Nh không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của những người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 04/10/2018 Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long nhận đơn kháng cáo của bà Nh còn trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ

nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm qui định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nh và bà Á, ông L tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án là bà Á và ông L đồng ý trả cho bà Nh số tiền 25.000.000đ, ngoài ra không còn nợ số tiền nào khác. Xét sự thỏa thuận giữa bà Nh và bà Á, ông L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử thống nhất công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Nh không phải chịu án phí phúc thẩm (bà Nh được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm) theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại: Bà A và ông L phải nộp toàn bộ án phí sơ thẩm $25.000.000đ \times 5\% = 1.250.000đ$. Do bà Nh và ông L là người cao tuổi, nên căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí cho bà Á và ông L.

[5] Về chi phí giám định: Bà Nh tự nguyện nộp chi phí giám định chữ ký là 1.785.000 đồng nên ghi nhận sự tự nguyện này, được khấu trừ vào số tiền bà Nh nộp tạm ứng nên đã nộp xong.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Sửa bản án sơ thẩm số 31/2018/DS-ST ngày 19 tháng 09 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

1. Sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Nh và bà Nguyễn Ngọc Á, ông Huỳnh Văn L cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Ngọc Á và ông Huỳnh Văn L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Bà Nh tự nguyện nộp 1.785.000 đồng (một triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng. Bà Nguyễn Thị Nh đã nộp đủ chi phí giám định.

3. Về án phí : Áp dụng Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Nguyễn Thị Nh không phải nộp án phí sơ thẩm và phúc thẩm; Hoàn trả lại bà Nh số tiền nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 1.785.000đ (một triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng) theo lai thu số 0008730 ngày 05/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tổ Nghiệp Vụ ;
- TAND thị xã Bình Minh ;
- Chi cục THADS thị xã Bình Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Dung

